



THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA CỦA CÁC CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

Trần Thị Phương*, Đặng Thị Minh Chinh, Châu Võ Trung Thông,
Nguyễn Bích Ngọc, Hồ Việt Hoàng

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng quản lý và sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa (đất NTD) của các cộng đồng dân tộc trên địa bàn huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Nghiên cứu đã thực hiện tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương về thực trạng quản lý và sử dụng đất NTD ở huyện Minh Hóa; phỏng vấn 160 hộ dân người dân tộc Kinh, Chứt và Bru-Vân Kiều theo phương pháp lựa chọn ngẫu nhiên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tình trạng chôn cất trái quy định vẫn còn xảy ra; việc cắm mốc đất NTD chưa được thực hiện trên địa bàn nhiều xã; việc quản lý và di dời giải tỏa mồ mà xen lẫn trong các loại đất khác còn nhiều bất cập. Việc lựa chọn kiến trúc xây dựng, diện tích lăng mộ, lựa chọn địa điểm chôn cất và phong tục táng gần giống nhau giữa người Kinh với người Chứt, nhưng lại rất khác với cộng đồng người Bru-Vân Kiều. Từ thực trạng quản lý đất NTD của các xã, nghiên cứu này đã đề xuất được một số giải pháp quản lý và sử dụng đất NTD phù hợp với tình hình thực tiễn của huyện Minh Hóa.

Từ khóa: đất nghĩa trang, đất nghĩa địa, cộng đồng dân tộc, sử dụng đất, Quảng Bình

The current management and use of cemetery and graveyard land of ethnic communities in Minh Hoa district, Quang Binh province

Tran Thi Phuong*, Dang Thi Minh Chinh, Chau Vo Trung Thong,
Nguyen Bich Ngọc, Ho Viet Hoang

University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Viet Nam

Abstract: This research was conducted to assess the current management and use of cemetery and graveyard land of ethnic communities in Minh Hoa district, Quang Binh province. The study carried out consultation with local authorities on cemetery and graveyard land management and use of ethnic communities; there are 160 households from Kinh, Chut and Bru-Van Kieu ethnic communities were interviewed based on a random selection method. The research results show that illegal burial is still happening; land landmark for graveyard areas has not been implemented in almost communes; management and relocation of tombs and

* Liên hệ: tranthiphuong@huaf.edu.vn

graves mixed in other land use types are still happens. The choice of construction model, tomb area, burial site selection and burial customs are almost similar between the Kinh and the Chut community, but very different from the Bru-Van Kieu community. From the current situation of land management in the district, this study has proposed a number of solutions for managing and using cemetery and graveyard land in accordance with the practical situation of ethnic community in Minh Hoa district.

Key words: cemetery land, graveyard, land use, ethnic community, Quang Binh

1 Đặt vấn đề

Đất nghĩa trang, nghĩa địa (đất NTD) đang trở thành vấn đề lớn và cần quan tâm của đô thị Việt Nam [3]. Khi nền kinh tế phát triển, nhu cầu của người dân tăng cao thì vấn đề lễ nghĩa càng được xem trọng. Chính vì thế, một bộ phận không nhỏ người dân có thu nhập cao đòi hỏi đất sử dụng cho mục đích chôn cất người thân của mình cũng phải xứng tầm, đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng xây dựng tự phát những ngôi mộ xa hoa, giá trị hàng tỷ đồng ở nhiều địa phương hay trong các công viên nghĩa trang mới hình thành [3]. Trong khi đó, những người có thu nhập thấp, những người nghèo lại chôn thân nhân của mình tại những nghĩa trang, nghĩa địa không phù hợp quy hoạch vì chi phí phù hợp với khả năng chi trả của họ [4]. Từ đó, công tác quản lý nhà nước về quy hoạch sử dụng đất NTD gặp nhiều khó khăn. Theo nghiên cứu của tác giả Trần Thiện Phong, năm 2010 cả nước có 101.064 ha đất NTD chiếm 0,3% diện tích đất toàn quốc, tăng 4.013 ha so với kỳ kiểm kê năm 2005. Riêng thành phố Hồ Chí Minh có 951 ha đất NTD, thành phố Hà Nội có 2.893 ha đất NTD vào năm 2010 [8]. Năm 2010, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương đã thực hiện nghiên cứu làm rõ hiện trạng và xây dựng quy hoạch sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa của tỉnh Hải Dương đến năm 2010. Qua đó, đưa ra các giải pháp nhằm quản lý chặt chẽ, có hiệu quả, đồng thời sử dụng tiết kiệm đất và đảm bảo vệ sinh môi trường [2]. Tác giả Vũ Thị Ngọc Hiền đã thực hiện nghiên cứu thực trạng và đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Qua đó, đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa hiệu quả, tiết kiệm, bảo tồn và phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống và phù hợp với văn minh thời đại [3]. Các nghiên cứu này chủ yếu được thực hiện ở địa bàn chủ yếu là người Kinh sinh sống, hiện vẫn còn rất thiếu những nghiên cứu ở những địa bàn có cộng đồng người dân tộc thiểu số sinh sống.

Huyện Minh Hóa là huyện miền núi vùng cao nằm về phía Tây Bắc tỉnh Quảng Bình. Ngoài dân tộc Kinh chiếm đa số thì đây là nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (hiện có 2.741 hộ, chiếm 20,3% số hộ toàn huyện) [5]. Ở đây, người dân tộc thiểu số chủ yếu là các dân tộc Bru – Vân Kiều và dân tộc Chứt. Chính vì vậy, phong tục tập quán trong sử dụng đất NTD của họ cũng có nhiều khác biệt. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số thì rừng đóng vai trò rất quan trọng, họ có những khu rừng thiêng phục vụ về mục đích tâm linh, tín ngưỡng, cũng như

người Kinh có đền thờ, nhà thờ dòng họ. Chính vì điều này, tình hình quản lý và sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa ở đây khá phức tạp [6]. Bài báo này được thực hiện nhằm mục đích đánh giá thực trạng quản lý và sử dụng đất NTD của các cộng đồng dân tộc trên địa bàn huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình phục vụ cho công tác quy hoạch đất NTD một cách hợp lý, đảm bảo về mỹ quan và phát triển bền vững về môi trường.

2 Phương pháp nghiên cứu

2.1 Phương pháp điều tra, thu thập số liệu

Thu thập số liệu thứ cấp

Nghiên cứu đã tiến hành thu thập các số liệu thứ cấp tại các cơ quan, ban ngành chuyên môn, UBND huyện Minh Hóa, Phòng Tài nguyên và Môi trường và các xã để phục vụ đề tài nghiên cứu. Các số liệu thu thập được bao gồm: Số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu; Số liệu về thống kê đất đai, tình hình biến động đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD); Tài liệu, số liệu về quy hoạch đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh và huyện Toàn bộ số liệu điều tra, thu thập vào năm 2019.

Thu thập số liệu sơ cấp

Phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi bán cấu trúc

Nghiên cứu tiến hành lập bảng câu hỏi, phỏng vấn điều tra các đối tượng: Cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Minh Hóa; Cán bộ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Minh Hóa; cán bộ địa chính TNMT của 16 xã/thị trấn để thu thập thông tin về tình hình quản lý đất, sử dụng đất, giải tỏa, di dời đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn nghiên cứu; Ban quản lý nghĩa trang để nắm bắt được thực trạng quy hoạch, quản lý và sử dụng các nghĩa trang trên địa bàn nghiên cứu. Ngoài ra, nghiên cứu đã phỏng vấn 160 hộ dân ngẫu nhiên trên 16 xã, thị trấn (mỗi xã chọn ngẫu nhiên 10 hộ) thông qua bảng hỏi bán cấu trúc đã được thiết kế sẵn để thu thập thông tin về thực trạng sử dụng đất NTD.

Phương pháp phỏng vấn sâu

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu các già làng là những người am hiểu sâu về phong tục tập quán an táng và những hình thức táng mới cũng như là người có tiếng nói quyết định về việc chôn cất trong cộng đồng dân tộc trên địa bàn huyện Minh Hóa. Nội dung phỏng vấn sâu tập trung vào tìm hiểu phong tục táng của các cộng đồng dân tộc Kinh, Chứt và Bru – Vân Kiều trên địa bàn huyện Minh Hóa.

Phương pháp khảo sát thực địa

Phương pháp này được sử dụng để khảo sát thực trạng kiến trúc xây dựng lăng, mộ, vị trí chôn cất để nắm rõ phong tục tập quán an táng và những hình thức táng của các cộng đồng người dân tộc Kinh, dân tộc Chứt và Bru-Vân Kiều.

2.3 Phương pháp phân tích, xử lý số liệu

Các tài liệu thu thập được đưa vào máy tính, dùng phần mềm Excel để tổng hợp và xử lý số liệu sơ cấp và thứ cấp thu thập được, dựa trên các tiêu chí của bảng hỏi đã thiết kế sẵn để tổng hợp. Trên cơ sở các số liệu và tài liệu đã thu thập được dùng để đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; hiện trạng sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa.

3 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1 Cơ cấu sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn toàn huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2019, huyện Minh Hóa có tổng diện tích đất tự nhiên là 139.375,4 ha. Trong đó, diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD) chiếm 275,4 ha, chiếm 0,2% diện tích đất tự nhiên toàn huyện.

Qua số liệu ở bảng 1 cho thấy, diện tích đất NTD phân bố ở khắp các xã trên địa bàn huyện và chiếm tỷ lệ khác nhau. Thị trấn Quy Đạt có tỷ lệ đất NTD so với tổng diện tích đất tự nhiên cao nhất, chiếm 2,6%, thấp nhất là xã Dân Hóa với tỷ lệ chỉ 0,02% (không kể xã Trọng Hóa không có đất NTD). Các xã có tỷ lệ đất nghĩa trang, nghĩa địa lớn so với diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa toàn huyện như: xã Trung Hóa và xã Xuân Hóa vì hai xã này nằm xa khu vực trung tâm, địa hình đồi núi là chủ yếu, diện tích dành cho đất NTD còn nhiều; trong khi các xã/thị trấn còn lại diện tích đất NTD chiếm tỷ lệ thấp hơn vì các xã/thị trấn này thuộc khu vực trung tâm huyện, địa hình đồng bằng chủ yếu và quỹ đất dành cho NTD không nhiều, quỹ đất chủ yếu tập trung dành cho phát triển kinh tế huyện. Hiện nay, trên địa bàn huyện Minh Hóa chỉ thực hiện giao đất cho đúng một tổ chức, đó là: Nghĩa trang liệt sỹ huyện Minh Hóa nằm ở xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình với diện tích là 12.100 m², gồm 749 mộ liệt sỹ có quê quán trên khắp mọi miền đất nước đã được UBND huyện giao cho phòng Lao động Thương binh và Xã hội quản lý. Theo đó nghĩa trang mới được tu sửa, tôn tạo và khánh thành vào ngày 22/12/2019. Theo quy định tại nghị định 23/2016/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân theo phân cấp quản lý, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan thực hiện việc cải tạo, đóng cửa, di chuyển các nghĩa trang và các phần mộ riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý. Tuy nhiên, trên địa bàn huyện Minh Hóa chưa có quy hoạch chi tiết về khu vực chôn cất. Vì vậy, vấn

đề sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa mang tính tự phát, dựa trên điều kiện, ý muốn cũng như phong tục tập quán của người dân.

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn huyện Minh Hóa (Đơn vị tính: ha)

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng sử dụng đất năm 2019		Tỷ lệ so với diện tích tự nhiên	Tỷ lệ so với NTD toàn huyện
		Diện tích đất tự nhiên	Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD)		
	Huyện Minh Hóa	139.375,4	275,4	0,20	100
1	Thị trấn Quy Đạt	798,10	20,70	2,59	7,52
2	Xã Trọng Hóa	17452,30	0,00	0,00	0,00
3	Xã Dân Hóa	19047,90	4,00	0,02	1,45
4	Xã Hóa Phúc	3028,80	7,20	0,24	2,61
5	Xã Hồng Hóa	6948,00	15,30	0,22	5,56
6	Xã Hóa Thanh	3316,30	3,00	0,09	1,09
7	Xã Hóa Tiến	2632,10	10,50	0,40	3,81
8	Xã Hóa Hợp	5184,40	23,20	0,45	8,42
9	Xã Xuân Hóa	4035,80	43,10	1,07	15,65
10	Xã Yên Hóa	3186,30	21,40	0,67	7,77
11	Xã Minh Hóa	3397,10	16,20	0,48	5,88
12	Xã Tân Hóa	7185,10	21,30	0,30	7,73
13	Xã Hóa Sơn	17758,40	8,60	0,05	3,12
14	Xã Quy Hóa	729,10	11,90	1,63	4,32
15	Xã Trung Hóa	9201,30	54,90	0,60	19,93
16	Xã Thượng Hóa	35474,30	14,10	0,04	5,12

Nguồn: Thống kê đất đai huyện Minh Hóa, 2019

3.2 Thực trạng quản lý đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn huyện Minh Hóa

Thực trạng quản lý đất nghĩa trang, nghĩa địa theo kết quả tham vấn ý kiến chính quyền địa phương

Nghiên cứu đã tiến hành tham vấn ý kiến của cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Minh Hóa và cán bộ địa chính của toàn bộ các xã/thị trấn về vấn đề quản lý đất NTD. Vấn đề nổi cộm và đáng quan tâm về đất NTD trên địa bàn huyện là thực trạng chôn cất trái quy định; khoanh vùng cấm mốc; việc di dời giải tỏa mồ mã xen lẫn trong đất canh tác, khu dân cư; Di dời giải tỏa nghĩa trang, nghĩa địa. Do phong tục tập quán của người dân cũng như lịch sử

lâu đời nên việc hình thành và phân bố các khu vực nghĩa địa mang tính tự phát, chưa hợp lý, số mộ nằm rải rác còn nhiều. Việc quản lý đất nghĩa trang, nghĩa địa chưa được quan tâm đúng mức nên hoạt động chôn cất trái quy định vẫn còn diễn ra nhiều, gây khó khăn cho việc quản lý. Các xã/ thị trấn thiếu sự quản lý và chưa có quy hoạch chi tiết nên việc chôn cất còn tùy tiện, xen lẫn với các loại hình sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp, gây khó khăn trong việc quản lý đất NTD. Minh Hóa là huyện miền núi, có dân tộc thiểu số sinh sống với nhiều tập tục lạc hậu nên công tác quản lý đất NTD còn gặp rất nhiều khó khăn.

Nguyên nhân của thực trạng chôn cất trái quy định ở địa bàn huyện là bởi đây là tập tục đã có từ lâu đời. Hơn nữa, người dân thường tiến hành đào huyệt và chôn cất vào ban đêm nên chính quyền địa phương rất khó nắm bắt và có biện pháp xử lý kịp thời. Trong khi đó, các văn bản pháp lý chưa có quy định cụ thể nào về việc xử lý các hành vi chôn cất trái phép đối với cộng đồng người dân tộc thiểu số. Do đó, chính quyền địa phương chỉ xử lý bằng hình thức buộc lấp huyệt khi chưa được chôn cất, nhắc nhở hoặc lập biên bản đình chỉ việc chôn cất khi phát hiện người dân đang đào huyệt mộ, riêng đối với những trường hợp người dân đã đưa linh cữu tới mai táng thì không có biện pháp xử lý. Kết quả tổng hợp từ phiếu phỏng vấn cho thấy, tình trạng chôn cất trái quy định diễn ra đặc biệt nghiêm trọng ở các xã biên giới, ở các vùng dân tộc thiểu số của huyện. Đây chính là vấn đề khó khăn và cũng là thách thức đã và đang xảy ra ở huyện Minh Hóa nhiều năm, nhưng đến hiện tại vẫn chưa có giải pháp khắc phục.

Theo kết quả tham vấn ý kiến cho thấy, người dân chưa nhận được thông tin về vùng nào là đất nghĩa địa có thể được phép chôn cất, vùng đất nào không được phép chôn cất. Vì vậy, họ thấy chỗ nào đất còn trống là lựa chọn để xây dựng lăng mộ mà không xin phép hay báo cáo với chính quyền địa phương. Kết quả khảo sát thực địa của nhóm nghiên cứu cho thấy, chỉ có xã Yên Hóa và thị trấn Quy Đạt là có cắm mốc cấm chôn cất ở một số điểm, còn đa số các xã còn lại vẫn chưa thực hiện việc cắm mốc đúng quy định.

Mặc dù chủ trương của huyện là quy tập, di dời các khu vực có mồ mà xen lẫn trong đất canh tác, đất khu dân cư để đưa vào các nghĩa địa đã được khoanh vùng và nghĩa trang đã được quy hoạch. Tuy nhiên trên thực tế các khu mồ mà được di dời hầu hết là nằm trong khu vực thuộc các dự án phát triển, chưa có quy hoạch chi tiết di dời mồ mà cho các xã/thị trấn. Theo số liệu ở bảng 2 cho thấy có 14 xã/thị trấn đã và đang thực hiện việc di dời giải tỏa mồ mà xen lẫn trong đất canh tác, khu dân cư. Tuy nhiên việc di dời chủ yếu là do các hộ dân tự thực hiện một cách riêng lẻ, không theo kế hoạch chung của toàn huyện. Riêng xã Dân Hóa và xã Trọng Hóa không thực hiện việc di dời do 2 xã này chủ yếu là địa bàn sinh sống của người dân tộc thiểu số, với phong tục chôn cất một lần. Đối với việc di dời, giải tỏa các khu nghĩa địa tập trung thì chỉ có Thị trấn Quy Đạt là đã có thực hiện theo dự án phát triển, còn các xã khác thì không.

Bảng 2. Thực trạng quản lý hoạt động chôn cất tại các xã/thị trấn

STT	Xã/thị trấn của Huyện Minh Hóa	Thực trạng			
		Chôn cất trái quy định	Khoanh vùng, cấm mốc	Di dời giải tỏa mồ mã xen lẫn trong đất canh tác, khu dân cư	Di dời giải tỏa nghĩa trang, nghĩa địa
1	Xã Hồng Hóa	✓	-	✓	-
2	Xã Yên Hóa	✓	✓	✓	-
3	Thị trấn Quy Đạt	-	✓	✓	✓
4	Xã Xuân Hóa	✓	-	✓	-
5	Xã Minh Hóa	✓	-	✓	-
6	Xã Trung Hóa	✓	-	✓	-
7	Xã Hóa Hợp	✓	-	✓	-
8	Xã Hóa Sơn	✓	-	✓	-
9	Xã Thượng Hóa	✓	-	✓	-
10	Xã Hóa Tiến	✓	-	✓	-
11	Xã Trọng Hóa	✓	-	-	-
12	Xã Tân Hóa	✓	-	✓	-
13	Xã Quy Hóa	✓	-	✓	-
14	Xã Dân Hóa	✓	-	-	-
15	Xã Hóa Thanh	✓	-	✓	-
16	Xã Hóa Phúc	✓	-	✓	-

* Ghi chú: Dấu ✓ là có diễn ra

Nguồn: Kết quả tham vấn ý kiến, 2020

Từ thực trạng quản lý đất NTD của các xã/thị trấn, nhóm thực hiện nghiên cứu này đã tiến hành tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương về các giải pháp quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn của huyện, một số giải pháp cụ thể: Cần có các quy định về việc cấm mở rộng thêm diện tích đất nghĩa địa nằm ngoài quy hoạch; Cần có chế tài xử phạt đối với người dân lấn chiếm đất nghĩa địa; Tuyên truyền, phổ biến cho người dân ý thức việc chôn cất đúng quy định, không thực hiện tạo mộ gió, mở rộng lăng mộ và lấn chiếm đất NTD trái quy định thông qua các cuộc họp dân; Chính quyền địa phương cần công khai thông tin về các khu đất được phép và không được phép chôn cất cho người dân biết; Các đơn vị có liên quan cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về sử dụng đất NTD.

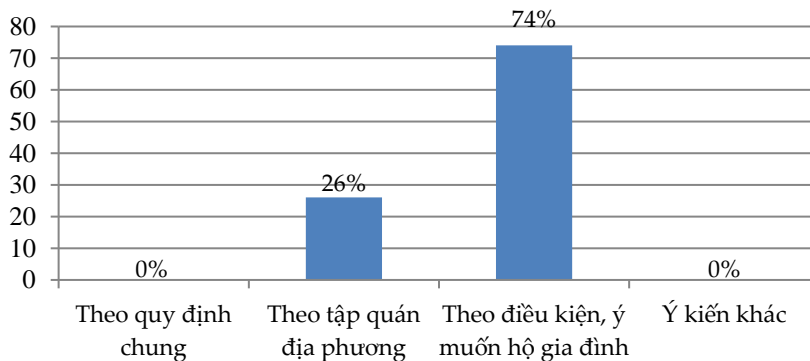
Tình hình quản lý đất nghĩa trang, nghĩa địa thông qua phỏng vấn ý kiến người dân

Về kiến trúc xây dựng lăng, mộ

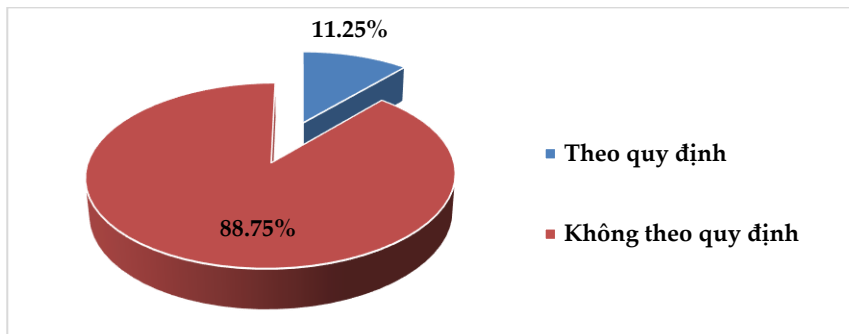
Kiến trúc xây dựng lăng mộ trên địa bàn huyện Minh Hóa chủ yếu dựa vào phong tục tập quán. Việc sử dụng đất NTD, tùy điều kiện kinh tế của mỗi hộ gia đình mà kiến trúc lăng mộ được xây dựng khác nhau (Hình 1). Sự thiếu đồng bộ về kiến trúc đã dẫn đến sự phức tạp trong quản lý, làm mất mỹ quan chung trên địa bàn, chưa tuân theo quy định tại nghị định 23/2016/NĐ-CP [1].

Về định mức diện tích xây dựng lăng, mộ

Định mức sử dụng đất NTD đã được quy định tại Quyết định số 25/2014/QĐ- UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Quy định hạn mức giao đất NTD trên địa bàn tỉnh [5]. Theo đó, diện tích sử dụng đất cho mỗi mộ chôn cất 1 lần hoặc mộ hung táng là 5 m². Diện tích sử dụng đất cho mỗi mộ cát táng là 3 m². Tuy nhiên, trên thực tế đa số người dân vẫn chưa quan tâm và thực hiện theo đúng quy định này. Tùy vào quỹ đất và điều kiện kinh tế gia đình mà người dân xây dựng lăng mộ có diện tích lớn hoặc nhỏ. Kết quả phỏng vấn hộ cho thấy: có 88,75 % hộ dân (tương ứng 142 hộ vượt diện tích; 18 hộ chưa chạm ngưỡng diện tích thực hiện việc chôn cất) tại các địa điểm tự phát, các nghĩa địa dòng họ hay nghĩa địa chung mà không có quy hoạch cụ thể, diện tích lăng mộ, xây cất một cách tự do; chỉ có 11,25% hộ dân là tuân thủ quy định về định mức diện tích lăng, mộ, lý do các hộ này thành phần chủ yếu là cán bộ, người am hiểu về các quy định của pháp luật trong việc sử dụng quỹ đất NTD ở địa phương.



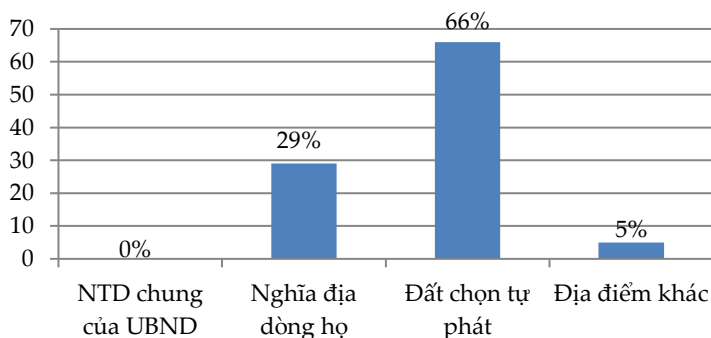
Hình 1. Ý kiến người dân về kiến trúc xây dựng lăng, mộ



Hình 2. Ý kiến người dân về tuân thủ định mức diện tích xây dựng lãg, mộ

Về địa điểm chôn cất

Số liệu ở hình 3 cho thấy, đa số người dân đều lựa chọn địa điểm chôn cất theo kiểu tự phát (66%), không có hộ dân nào lựa chọn chôn cất tại nghĩa trang, nghĩa địa chung của UBND. Số còn lại lựa chọn chôn cất tại nghĩa địa của dòng họ với 29% và có 5% hộ dân lựa chọn chôn cất ở tại đất nằm trong khuôn viên của gia đình. Nguyên nhân của thực trạng này là do chính quyền địa phương ở một số xã vẫn chưa tiến hành cấm mốc quy định cấm chôn cất, các nghĩa trang chung của UBND nằm ở vị trí khá xa, điều kiện đi lại khó khăn, thủ tục xin phép còn rườm rà, không đủ kinh phí để nộp cho khoản tiền xin đất NTD; người dân muốn lựa chọn vị trí gần nhà hoặc nương rẫy của họ để thuận tiện cho việc đi lại hương khói, thăm viếng. Đây chính là những nguyên nhân dẫn đến thực trạng sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa manh mún và phức tạp như bây giờ.

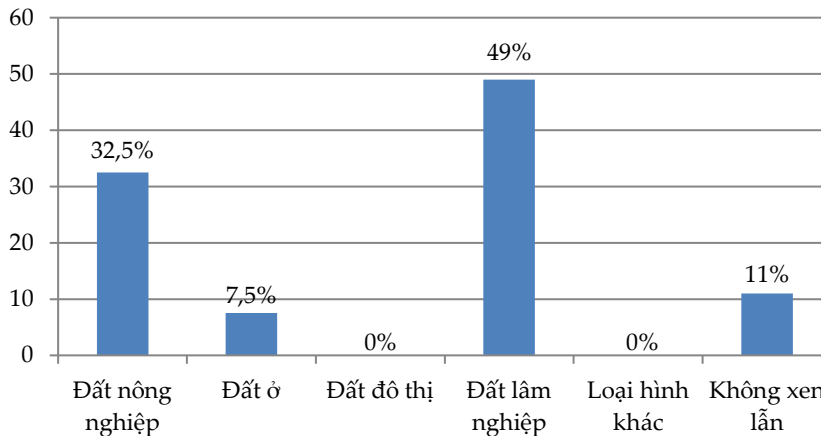


Hình 3. Ý kiến của người dân về lựa chọn địa điểm chôn cất

Về thực trạng đất nghĩa trang, nghĩa địa xen lẫn các loại hình sử dụng đất khác

Đất nghĩa trang, nghĩa địa xen lẫn với loại hình sử dụng đất khác, phổ biến là đất lâm nghiệp, với 49% ý kiến. Có 32,5% ý kiến thể hiện đất NTD có xen lẫn đất nông nghiệp và có 7,5% ý kiến người dân cho rằng cạnh gia đình họ sinh sống, đất NTD có xen lẫn đất ở. Còn lại 11% ý

kiến người dân cho rằng, lân cận gia đình họ không có xen lẫn đất NTD hoặc các khu nghĩa địa nằm tập trung theo từng cụm, không xen lẫn các loại đất khác.



Hình 4. Ý kiến của người dân về đất nghĩa trang, nghĩa địa xen lẫn các loại hình sử dụng đất

3.3 Phong tục tập quán an táng và xu thế an táng mới trên địa bàn huyện Minh Hóa

Phong tục tập quán an táng và xu thế sử dụng những hình thức táng mới của dân tộc Kinh

Về phong tục tổ chức tang lễ: Đối với người chết từ tuổi trưởng thành trở lên, khi chết ở nhà thường được tổ chức tang lễ tại gia đình, sau thời gian 24–36 giờ thì gia đình đưa tiễn người chết về nơi an nghỉ cuối cùng tại khu vực chôn cất theo phong tục tập quán của địa phương. Đối với người chết tại bệnh viện hoặc do tai nạn, thường được tổ chức tang lễ tại nhà chòi, ngoài sân nhà hoặc khu đất trống của khu vực chôn cất. Vì theo quan niệm của người dân, những người chết ở nơi khác đưa về nhà thì người thân sẽ gặp những điều không may mắn. Tuy nhiên, thời gian gần đây, nhiều nơi đã đưa về gia đình để tổ chức tang lễ và tưởng niệm cho người chết. Đối với những người chết trẻ hoặc chết do mắc các bệnh truyền nhiễm, việc tổ chức tang lễ cũng thường được tổ chức tại gia đình nhưng thời gian tổ chức thường trong vòng 24 giờ sau khi chết, thậm chí có những nơi nếu trẻ em chết ở bệnh viện thì đưa thẳng về nghĩa trang, nghĩa địa chôn cất luôn, không đưa về gia đình kể cả ban đêm.

Về phong tục táng người chết: Sau khi tổ chức tang lễ tại gia đình, người chết được đưa đi chôn cất tại khu vực nghĩa trang, nghĩa địa theo quy định của địa phương. Đối với một số người có quê quán ở vùng khác hoặc theo mong muốn của người chết hoặc thân nhân người chết mà việc chôn cất người thường được đưa về nghĩa trang, nghĩa địa quê nhà, nhiều người được đưa về quê để chôn cất với ý niệm được về với ông bà tổ tiên. Người Kinh ở Minh Hóa có tập quán táng người chết chủ yếu theo hai hình thức: chôn 1 lần vĩnh viễn, không cải táng và chôn

bằng quan tài gỗ, sau một thời gian thì cải táng đến vị trí mới. Theo lời kể của các cụ cao tuổi, trước kia việc lựa chọn địa điểm chôn cất người chết rất quan trọng, phải nhờ các “Thầy địa lý” xem và chọn giúp, tùy từng người mà lựa chọn vị trí và hướng đặt mộ cho “hợp”, có người hợp với việc táng gò cao, có người hợp với táng ở chỗ trũng, có người hợp với hướng Bắc, có người lại hợp với hướng Nam... Khi “Thầy” đã chọn thì không cần biết đất đó hiện đang sử dụng vào mục đích gì, con cháu phải có trách nhiệm thỏa thuận hoặc làm cách nào đó để có được đất, trừ trường hợp bất khả kháng thì “Thầy” xem và chọn chỗ khác. Đa số được chọn ở các vùng đất sản xuất nông nghiệp như: Đất trồng lúa, trồng màu và đất lâm nghiệp. Điều này dẫn đến tình trạng các ngôi mộ được chôn rải rác rất nhiều nhưng không cất bốc được, thậm chí có một số trường hợp những gia đình do đi làm ăn xa không chăm sóc phần mộ dẫn đến mất dấu vết, không tìm thấy mộ để cải táng. Thời gian gần đây, khi kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, người dân tộc Kinh lựa chọn vị trí táng người chết theo xu hướng tập trung, cách xa khu dân cư, thuận tiện đi lại và chăm sóc mộ. Vì thế, việc lựa chọn nơi chôn cất cũng đã tập trung hơn so với trước. Xu hướng xây dựng lăng mộ to, rộng và lộng lẫy ngày càng tăng trên địa bàn huyện, người dân coi đây là một phương thức báo hiếu với ông bà, tổ tiên.

Xu thế sử dụng những hình thức an táng mới: Mặc dù hiện nay người dân tộc Kinh trên địa bàn huyện vẫn sử dụng hình thức địa táng. Tuy nhiên, qua kết quả phỏng vấn cho thấy họ có thể chuyển sang hình thức hỏa táng trong tương lai, khi mà quỹ đất NTD hạn hẹp. Xu thế này không những giúp tiết kiệm quỹ đất NTD mà còn góp phần bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

Đánh giá về phong tục tập quán an táng của cộng đồng dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Minh Hóa

Về phong tục tổ chức tang lễ

Đối với dân tộc Chứt, việc tổ chức tang lễ thường rất đơn giản. Theo tục lệ chung, đám tang thường tổ chức trong 3 ngày sau đó đưa đi chôn cất, người chết được quấn bằng lá tro (lá cọ) hoặc bằng phen nứa. Mộ được đặt không có nhà mồ bên trên. Sau 3 ngày, tộc trưởng làm lễ gọi hồn người chết về ngụ trên bàn thờ tổ tiên ở nhà tộc trưởng, từ đó người thân không ai lai vãng chăm sóc phần mộ của người đã khuất.

Đối với người dân tộc Bru - Vân Kiều, người chết được đặt nằm ngang sàn nhà, chân hướng về cửa sổ, ở các nhóm tộc người Khùa và Ma Coong thì người chết được đặt dọc sàn, chân hướng về cửa chính. Sau 2 đến 3 ngày mới đưa ma, chôn người chết vào bãi mồ chung của làng. Quan tài gỗ đẽo độc mộc, gồm hòm và nắp, trước đây có nơi người chết được bó trong vỏ cây hoặc tấm đan bằng giang. Chọn đất đào huyệt theo cách dùng trứng gà thả rơi, vỡ trứng là được. Đối với tộc người Khùa thuộc dân tộc Bru - Vân Kiều thì người chết từ tuổi trưởng thành trở lên, khi chết

ở nhà thường được tổ chức tang lễ tại gia đình, sau thời gian 24 - 36 giờ thì đưa tiễn người chết về nơi an nghỉ cuối cùng. Còn đối với người chết do tai nạn, thường được tổ chức tang lễ ngay tại nơi đã mất trong khoảng thời gian nhanh nhất có thể. Vì theo quan niệm của người dân, những người chết ở nơi khác đưa về nhà thì người thân sẽ gặp những điều không may mắn.

Về phong tục táng người chết

Đối với tộc người Khùa thuộc dân tộc Bru - Vân Kiều, theo kết quả phỏng vấn sâu đối với các già làng, người Khùa không có tục thắm mộ người thân, vì vậy những khu rừng chôn người chết được gọi là “Rừng ma”, chỉ khi nào trong làng có người chết thì những người đưa tang mới tới đây, còn bình thường thì không ai dám đặt chân tới. Sau khi tổ chức tang lễ tại gia đình, việc lựa chọn địa điểm chôn cất người chết rất quan trọng, phải nhờ các “Thầy địa lý” xem và chọn giúp. Khác với phong tục táng người chết của cộng đồng dân tộc khác, tộc người Khùa họ chọn vị trí và hướng đặt mộ bằng nghi thức “Ném trứng” để xin mộ chôn người chết. Với họ đây là hình thức quan trọng nhất, bởi người Khùa quan niệm rằng vị trí để người chết nằm yên nghỉ phải dựa theo ý nguyện của họ. Bất kì người chết nào, dù già hay trẻ, dù trai hay gái đều phải thực hiện nghi thức này. Trong mỗi đám tang, sau khi đưa thi thể người chết đến khu “ Rừng ma”, “Thầy” cúng làm lễ ném trứng xin mồ. “Thầy” khẩn, nếu linh hồn người chết đồng ý chôn chỗ nào thì quả trứng vỡ chỗ đó. Nếu quả trứng không vỡ, tức là người chết không thích chôn ở chỗ đó, phải nhặt trứng lên và ném vào chỗ khác cho tới khi trứng vỡ mới thôi. Vì đây là nghi thức rất quan trọng của người Khùa nên không cần biết đất ở khu rừng đó hiện đang sử dụng vào mục đích gì, con cháu đều lựa chọn vị trí đó để đặt mộ chôn cất. Theo như phong tục tập quán của họ thì người chết chỉ tiến hành chôn cất một lần, họ không thực hiện các nghi thức thờ cúng, di dời, cất bốc mồ mã đến nơi khác. Đối với họ, khi đã tổ chức xong các thủ tục nghi lễ chôn cất người chết là đã xong và từ đó họ không còn bận tâm đến các vấn đề liên quan đến mồ mã về sau nữa. Chính tập tục này dẫn đến tình trạng các ngôi mộ được chôn rải rác rất nhiều nơi. Trải qua hàng trăm năm định cư tại các xã Trọng Hóa và Dân Hóa người Khùa vẫn lưu giữ trọn vẹn nghi thức ném trứng xin mồ chôn người. Vì thế, việc quản lý đất nghĩa địa ở địa bàn của cộng đồng dân tộc đây gặp nhiều khó khăn, khó xác định.

Đối với dân tộc Chứt, do họ sống xen kẽ với dân tộc Kinh nên về cơ bản thì phong tục táng người chết của họ giống hoàn toàn với phong tục tập quán an táng của dân tộc Kinh trên địa bàn huyện Minh Hóa.

Xu thế sử dụng những hình thức an táng mới

Qua điều kết quả phỏng vấn hộ dân cho thấy, gần như 100% người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện không đồng ý với các hình thức an táng mới và cũng không có xu thế mong muốn chuyển sang hình thức hỏa táng. Do phong tục tập quán chôn cất đã ăn sâu vào tiềm thức của họ

đã làm ảnh hưởng rất lớn đến lối suy nghĩ về việc an táng người chết của người dân ở đây nên rất khó để làm thay đổi được thực trạng sử dụng đất NTD đối với cộng đồng người dân tộc thiểu số, đặc biệt là cộng đồng người dân tộc thiểu số Bru – Vân Kiều.

4 Kết luận

Đất nghĩa trang, nghĩa địa ở huyện Minh Hóa phân bố hầu hết ở các xã, thị trấn trên toàn huyện, trừ 1 xã không có diện tích đất này đó là xã Trọng Hóa. Huyện Minh Hóa chỉ thực hiện giao đất nghĩa trang, nghĩa địa cho đúng một tổ chức và không có thực hiện giao đất cho hộ gia đình, cá nhân. Vì vậy, vấn đề sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa mang tính tự phát, dựa trên điều kiện kinh tế, ý muốn cũng như phong tục tập quán của người dân. Với đặc thù là huyện miền núi, nhiều xã biên giới, ngoài dân tộc Kinh chiếm đa số thì đây là nơi có đồng bào dân tộc thiểu số Chứt, Bru – Vân Kiều sinh sống nên việc sử dụng đất NTD có sự khác biệt về phong tục táng rờ rệt giữa các cộng đồng dân tộc trên địa bàn huyện Minh Hóa. Vấn đề nổi cộm, đáng quan tâm về đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn huyện là thực trạng chôn cất trái quy định; khoanh vùng cấm mốc; việc di dời giải tỏa mồ mã xen lẫn trong đất canh tác, khu dân cư; Di dời giải tỏa nghĩa trang, nghĩa địa.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ, (2016), Nghị định 23/2016/NĐ-CP ngày gày 05 tháng 04 năm 2016 của chính phủ về về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.
2. Nguyễn Tá Dưóc, Sò Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, *Những giải pháp quy hoạch đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương nhằm sử dụng tiết kiệm đất đảm bảo vệ sinh môi trường*.
Website:http://haiduongdost.gov.vn/index.php?option=com_content&view=article&catid=106:lvmt&id=737:quy-hoch-t-nga-trang-nga-a-tren-a-ban-tnh-hi-dgn.
Truy cập ngày 01/4/2020.
3. Vũ Thị Ngọc Hiền, (2010), *Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ khoa học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Phan Phạm Chi Mai, (2012), *Nghiên cứu hiện trạng sử dụng đất nghĩa trang huyện Từ Liêm, Hà Nội với sự trợ giúp của GIS và Viễn thám*, Luận văn Thạc sỹ khoa học, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. UBND tỉnh Quảng Bình, (2014), *Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở;*

diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức đất nông nghiệp, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

6. UBND huyện Minh Hóa, (2009), *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bố Trạch đến năm 2020.*
7. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Minh Hóa, (2019), *Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai huyện Minh Hóa năm 2019.*
8. Trần Thiện Phong, (2012), *Thực trạng và giải pháp quy hoạch quản lý sử dụng đất nông nghiệp địa ở thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí lý luận, khoa học và nghiệp vụ, Bộ Tài Nguyên và Môi trường, 22, 64-66.*